

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ JÚT
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2021/DS - ST
Ngày: 12/11/2021
V/v: *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ JÚT – TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Thơm

2. Ông Hà Hữu Tài

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Chí Công - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Xuân Dương – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 19/2021/TLST-DSST ngày 15 tháng 3 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2021/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 9 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 130/2021/QĐST-DS ngày 13 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị P, sinh năm 1971

Địa chỉ: Thôn 15, xã T, huyện C, tỉnh Đ

Người đại diện hợp pháp của bà P, ông Hồ Ngọc D; địa chỉ: số 06 Ngô Quyền, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đ- là người đại diện theo ủy quyền - có mặt.

(Văn bản ủy quyền số 14, quyền số 01/2021-SCT/HĐ,GD)

Bị đơn: Ông Phan Thanh H, sinh năm 1966 - có mặt.

Địa chỉ: Thôn 12, xã T, huyện C, tỉnh Đ.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

I/ Bà Trương Thị H, sinh năm 1972 - có mặt.

Địa chỉ: Thôn 12, xã Tâm T, huyện C, tỉnh Đ.

2/ Anh Phan Trọng N, sinh năm 1999 - có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 12, xã T, huyện C, tỉnh Đ.

3/ Chị Phan Thị Tuyết N, sinh năm 1996 - có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 12, xã T, huyện C, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 28/02/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn do ông Hồ Ngọc D đại diện trình bày:

Vào khoảng năm 2017 không nhớ ngày tháng bà P có cho bà Trương Thị H vay số tiền 10.000.000 (Mười triệu) đồng hai bên có viết giấy tờ tay với nhau, không có lãi suất, thời hạn trả nợ vào cuối năm 2018. Mục đích vay tiền của bà H là để chi tiêu sinh hoạt trong cuộc sống gia đình bà Hiền.

Tiếp đến không nhớ ngày tháng chỉ nhớ năm 2017 bà P có cho bà Trương Thị H vay số tiền 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng hai bên có viết giấy tờ tay với nhau, không có lãi suất, thời hạn trả nợ là vào cuối năm 2018, khi vay một mình bà H vay và nhận tiền.

Tiếp đến năm 2017 không nhớ ngày tháng bà P có cho bà H vay số tiền 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng hai bên có viết giấy tờ tay với nhau không có lãi suất, thời hạn trả nợ cuối năm 2018, khi vay một mình bà H vay và nhận tiền.

Tiếp đến năm 2017 không nhớ ngày tháng bà P có cho bà H vay số tiền 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng hai bên có viết giấy tờ tay với nhau không có lãi suất, thời hạn trả nợ cuối năm 2018, khi vay một mình bà H vay và nhận tiền.

Tiếp đến năm 2018 không nhớ ngày tháng bà Phượng có cho bà H vay số tiền 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng hai bên có viết giấy tờ tay với nhau không có lãi suất, thời hạn trả nợ cuối năm 2018, khi vay một mình bà H vay và nhận tiền.

Tiếp đến năm 2018 không nhớ ngày tháng bà P có cho bà H vay số tiền 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng hai bên có viết giấy tờ tay với nhau không có lãi suất, thời hạn trả nợ cuối năm 2018, khi vay một mình bà H vay và nhận tiền.

Nguyên nhân mà bà P không nhớ ngày tháng năm các giấy vay tiền giữa bà H và bà P là do thời gian đã lâu và các giấy vay tiền đã được ông H và các con ông H xin lại để tiêu hủy đi và mục đích vay của các khoản tiền mà bà H vay của bà P là để chi tiêu sinh hoạt cuộc sống gia đình bà H, ông H.

Tổng cộng 6 đợt là 160.000.000 (Một trăm sáu mươi triệu) đồng. Sau khi vay Bà H không trả bà H bỏ đi nơi khác, vì bà P không tìm bà H được nên bà P có đến nhà ông H để giải quyết khoản nợ. Tại nhà ông H thì ông H có liên lạc với bà H để xác thực có phải bà H vay 160.000.000 đồng không. Sau khi xác định đúng thì ông H và các con ông H, gồm Phạm Thị Tuyết N và còn một người con của bà H nữa nhưng bà P không rõ họ tên và ông H cùng ký giấy đứng ra trả nợ cho bà H, bằng giấy hẹn nợ

vào ngày 13/12/2018. Sau khi viết giấy hẹn thì ông H và các con xin bà P đưa các giấy vay tiền mà bà P và bà H đã ký trước đó để tiêu hủy, vì ông H và các con ông H ký giấy nợ cho bà P bằng một giấy mới. Theo thỏa thuận giấy hẹn nợ, ngày 06/01/2019 ông H có trả cho bà P số tiền 10.000.000 đồng, ngày 27/6/2019 ông H có trả cho bà P 20.000.000 đồng, vào ngày 29/12/2019 ông H có trả cho bà P 65.000.000 đồng. Do đó hiện nay ông H còn nợ bà P số tiền gốc 65.000.000 đồng.

Để đảm bảo cho việc thu hồi nợ bà Trần Thị P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Buộc ông Phan Thanh H trả cho bà Trần Thị P tổng số tiền 81.802.500 đồng (trong đó nợ gốc 65.000.000 đồng, lãi tạm tính 16.802.500 đồng).

Quá trình giải quyết vụ án, ngày 18/8/2021 bà Trần Thị P có đơn xin rút phần yêu cầu khởi kiện buộc ông Phan Thanh H phải trả số tiền lãi 16.802.500 đồng và có yêu cầu khởi kiện bổ sung buộc bà Trương Thị H và ông Phan Thanh H cùng liên đới trả cho bà số tiền gốc 65.000.000 (Sáu mươi lăm triệu) đồng.

Thời hạn trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Phan Thanh H trình bày:

Vào ngày 13/12/2018 bà Trần Thị P đến nhà ông hỏi ông là bà H đâu thì ông nói bà H đang bán trái cây ngoài chợ. Sau đó ông không liên lạc được cho bà H, lúc đó bà Phượng nói vợ ông bà H vay bà P số tiền 160.000.000 đồng. Vì mất ông mờ và ông hỏi bà P có giấy tờ không bà P nói có. Sau đó bà P mượn sổ hộ khẩu ông đi, ông nói bà P nếu giữ sổ hộ khẩu ông thì ông cần nợ thì bà P đem hộ khẩu vào trả.

Việc bà H vay bà P làm gì ông không biết mà ông không vay. Nhưng vì lý do bà P đến nhà ông làm ồn ào, ông không liên lạc được cho vợ ông nên ông ghi giấy hẹn nợ ngày 13/12/2018. Sau đó ông trả cho bà P được 95.000.000 đồng. Khi vợ ông về bảo ông vay 100.000.000 đồng sao ông ghi 160.000.000 đồng. Do đó hiện nay ông chỉ còn nợ bà P 5.000.000 đồng.

Nay trước yêu cầu khởi kiện của bà P ông không đồng ý (vì bà H chỉ nợ bà P 100.000.000 đồng, ông đã trả được 95.000.000 đồng, do đó chỉ còn nợ 5.000.000 đồng) vì vậy ông chỉ đồng ý cùng bà H trả số tiền 5.000.000 đồng cho bà P.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị H trình bày:

Bà có mượn của bà Trần Thị P 03 lần vào năm 2017 cụ thể như sau (lần 1 mượn 10.000.000 đồng, lần 2 mượn 20.000.000 đồng, lần 3 mượn 30.000.000 đồng) và 01 lần vào năm 2018 là 40.000.000 đồng. Tổng cộng bà mượn bà P 04 lần với số tiền 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng. Hiện nay vì các giấy vay nợ bà là người mượn nên không giữ chỉ có bà P là người cho vay đang giữ hết các giấy tờ này.

Tất cả các lần vay bà đều trả lãi đầy đủ 3%/tháng, bà không nhớ bao nhiêu nhưng bà chỉ biết hàng tháng trả lãi. Khi bà trả lãi không có giấy tờ gì. Đến ngày 20 tháng 12 năm 2018 bà không trả lãi nổi nữa, bà đi làm ăn xa ông H chồng bà đã trả được 95.000.000 đồng. Khi ông H trả cho bà P ông H không gọi cho bà được vì bà đi điện thoại bà không liên lạc được với gia đình. Việc bà vay bà P một mình bà vay chồng bà ông H không hề hay biết bà vay về làm ăn thua lỗ bà bỏ nhà đi. Sau khi bà đi hơn một năm bà về thì chồng bà nói ông H đã trả cho bà P 95.000.000 đồng. Khi bà về chồng bà nói ghi giấy 160.000.000 đồng, bà nói vay chỉ có 100.000.000 đồng chứ không phải vay 160.000.000 đồng.

Nay trước yêu cầu khởi kiện của bà P bà có ý kiến như sau: Không đồng ý trước yêu cầu của nguyên đơn đưa ra là ông H và bà H phải trả cho bà P số tiền 65.000.000 đồng, chỉ đồng ý cùng chồng là ông H trả cho bà P số tiền 5.000.000 đồng.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Phan Trọng N trình bày:

Ngày 13/12/2018 anh không có ở nhà, đến ngày 06/01/2019 khi ba anh (ông H) trả cho bà P 10.000.000 đồng anh mới có mặt và bà P bắt anh ký vào giấy nhận nợ. Vì anh không có liên quan đến việc vay mượn tiền giữa bà H, ông H và bà P, nên anh không có ý kiến gì. Vì bận công việc nên anh xin được vắng mặt trong các phiên họp, phiên hòa giải và xét xử của Tòa án.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Phan Thị Tuyết N trình bày:

Ngày 13/12/2018 bà P có đến nhà lúc đó có mặt chị ở nhà, bà P nói mẹ chị (bà H) có nợ bà P số tiền 160.000.000 đồng vì không muốn ồn ào nên ba chị đồng ý trả, lúc đó bà P không đưa ra bất cứ giấy vay tiền nào, vì tin tưởng bà P nên ba chị tin là mẹ chị có nợ bà P và đồng ý trả cho bà P. Lúc đó bà P đọc cho chị ghi giấy nhận nợ ngày 13/12/2018 chữ viết là của chị và ba chị ông Phan Thanh H đồng ý kí tên vào giấy nhận nợ. Trước yêu cầu khởi kiện của bà P chị có ý kiến như sau: Chị không có liên quan đến việc vay mượn tiền giữa bà H, ông H và bà P, nên chị không có ý kiến gì. Vì bận công việc nên chị xin được vắng mặt trong các phiên họp, phiên hòa giải và xét xử của Tòa án.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như sau :

Yêu cầu ông Phan Thanh H và bà Trương Thị H cùng liên đới trả cho bà Trần Thị P số tiền gốc 65.000.000 (sáu mươi lăm triệu) đồng.

Thời hạn trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Bị đơn ông H có ý kiến như sau: Ông không đồng ý, chỉ đồng ý cùng bà H trả số tiền 5.000.000 đồng cho bà P.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà H có ý kiến như sau: Không đồng ý trước yêu cầu của nguyên đơn đưa ra chỉ đồng ý cùng chồng là ông H trả cho bà P số tiền 5.000.000 đồng.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh N, chị N có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng cũng như nội dung vụ án.

+ *Về việc tuân theo pháp luật:* Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và đương sự đều tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án theo quy định tại Điều 48, Điều 51, Điều 63, Điều 203, từ Điều 239 đến Điều 267 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ *Về nội dung vụ án:* Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận việc nguyên đơn đã rút một phần yêu cầu khởi kiện về tiền lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và nghe ý kiến trình bày của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quyền khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xét đơn khởi kiện đề ngày 28/02/2021 của nguyên đơn bà Trần Thị P, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là quan hệ hợp đồng dân sự về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Do bị đơn ông Phan Thanh H cư trú tại thôn 12, xã T, huyện C, tỉnh Đ nên Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông thụ lý giải quyết là phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về hình thức: Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Phan Trọng N và chị Phan Thị Tuyết N có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, HĐXX căn cứ theo Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh Nhân và chị Nhung.

[3] Về nội dung:

[3.1] Đối với yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu ông Phan Thanh H và bà Trương Thị H cùng liên đới trả cho bà Trần Thị P số tiền gốc 65.000.000 (sáu mươi lăm triệu) đồng.

Bà Trương Thị H cho rằng có mượn của bà Trần Thị P 03 lần vào năm 2017 cụ thể như sau (lần 1 mượn 10.000.000 đồng, lần 2 mượn 20.000.000 đồng, lần 3 mượn 30.000.000 đồng) và 01 lần vào năm 2018 là 40.000.000 đồng. Tổng cộng bà H mượn

bà P 04 lần với số tiền 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng, Tòa án đã ra quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ số 22 ngày 13/5/2021 yêu cầu bà H phải cung cấp bản chính các giấy tờ trên nhưng bà H cho biết vì các giấy vay nợ bà là người mượn nên không giữ chỉ có bà P là người cho vay đang giữ hết các giấy tờ này, nên không thể cung cấp cho Tòa án, do đó không có cơ sở xác định bà H vay của bà P số tiền gốc 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng.

Mặc khác theo lời bà P trình bày năm 2017 bà có cho bà H vay 04 đợt với tổng số 90.000.000 đồng và năm 2018 bà có cho bà H vay 02 đợt với tổng số tiền vay 70.000.000 đồng. Tổng số tiền bà cho H vay 160.000.000 đồng, khi vay chỉ viết giấy tờ tay, không có lãi suất, mục đích vay là để chi tiêu sinh hoạt gia đình bà H, ông H. Sau khi vay Bà H không trả bà H bỏ đi nơi khác, vì bà P không tìm được bà H nên bà P có đến nhà ông H để giải quyết khoản nợ. Tại nhà ông H thì ông H có liên lạc với bà H để xác thực có phải bà H vay 160.000.000 đồng không. Sau khi xác định đúng thì ông H đã ký giấy đứng ra trả nợ cho bà H, bằng giấy hẹn nợ vào ngày 13/12/2018. Sau khi viết giấy hẹn thì ông H và các con xin bà P đưa các giấy vay tiền mà bà P và bà H đã ký trước đó để tiêu hủy (vì ông H và các con ông H ký giấy nợ cho bà P bằng một giấy mới). Do đó căn cứ vào giấy nhận nợ ngày 13/12/2018 có đủ cơ sở xác định bà H có vay của bà P số tiền 160.000.000 (Một trăm sáu mươi triệu) đồng. Việc vay mượn tiền của bà H trong thời kỳ hôn nhân của ông H, bà H, ông H cũng đã đứng ra trả một phần khoản nợ trong lúc bà H không có nhà, cụ thể theo thỏa thuận giấy hẹn nợ, ngày 06/01/2019 ông H có trả cho bà P số tiền 10.000.000 đồng, ngày 27/6/2019 ông H có trả cho bà P 20.000.000 đồng, vào ngày 29/12/2019 ông H có trả cho bà P 65.000.000 đồng, tổng số tiền ông H đã trả cho bà P là 95.000.000 đồng. Do đó có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu ông Phan Thanh H và bà Trương Thị H cùng liên đới trả cho bà Trần Thị P số tiền gốc $(160.000.000 - 95.000.000) = 65.000.000$ (Sáu mươi lăm triệu) đồng theo quy định tại điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3.2] Quá trình giải quyết vụ án, ngày 18/8/2021 bà Trần Thị P có đơn xin rút phần yêu cầu khởi kiện buộc ông Phan Thanh H phải trả số tiền lãi 16.802.500 đồng do đó cần đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của bà P.

[3.3] Về thời hạn và phương thức thanh toán: Bà P yêu cầu ông H và bà H thanh toán số tiền nợ một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử thấy hai bên phát sinh quan hệ vay tài sản từ năm 2017 đến nay nhưng ông H, bà H vẫn chưa thanh toán là gây thiệt hại đến quyền lợi và lợi ích hợp pháp của bà P nên yêu cầu của bà P là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí:

Căn cứ Khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông

H và bà H phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm $65.000.000 \times 5\% = 3.250.000$ đồng.

Hoàn lại cho bà P số tiền tạm ứng án phí 2.045.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003285 ngày 12/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 227, Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 357; Điều 463; Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 27, 37 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

- Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị P.

Buộc ông Phan Thanh H và bà Trương Thị H phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Trần Thị P số tiền 65.000.000 (Sáu mươi lăm triệu) đồng.

Thời hạn trả: Một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà P cho đến khi thi hành xong, ông H và bà H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền

[2] Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu buộc ông Phan Thanh H phải trả số tiền lãi 16.802.500 đồng.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông H, bà H phải liên đới chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 3.250.000 (Ba triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng.

- Hoàn trả toàn bộ số tiền tạm ứng án phí là 2.045.000 đồng (Hai triệu không trăm bốn mươi lăm nghìn) đồng cho bà Trần Thị P theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí

số 0003285 ngày 12/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[3] Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Cư Jút;
- CCTHADS Huyện Cư Jút;
- Lưu VP, hồ sơ .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

